TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST-DS.	*Đăk Hà, ngày 08 tháng 4 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phúc Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Chị Hoàng Thị L phải trả cho anh Nguyễn Phúc Th số tiền là: 64.808.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu tám trăm lẻ tám ngàn đồng)*. Trong đó số tiền gốc: 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng),* số tiền lãi: 10.808.000 đồng (*Mười triệu tám trăm lẻ tám ngàn đồng).*

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ khi quyết định này được ban hành, anh Nguyễn Phúc Th (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hoàng Thị L (bên phải thi hành án) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được tính như sau:

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.620.200 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn hai trăm đồng*).

Anh Nguyễn Phúc Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.620.200 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn hai trăm đồng*) anh Th đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009535 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS cùng cấp;
-TAND CC tại ĐN;
-TAND tỉnh;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh